

# VỀ MỘT ĐẶC ĐIỂM CỦA TƯ DUY THƠ THỜI CHỐNG MỸ

NGUYỄN BÁ THÀNH

Chúng tôi cho rằng giai đoạn chống Mỹ (1965-1975) là một giai đoạn phát triển ổn định cao nhất ở ca cách mạng kể từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công. Do đó thơ chống Mỹ với những tự do và hạn chế của nó, là biểu hiện tập trung của phương pháp tư duy thơ thời kỳ trước đổi mới "quan liêu, bao cấp" đang chiếm ưu thế tuyệt đối.

Tìm hiểu tư duy thơ là tìm hiểu những định hướng nhận thức và phản ánh của thơ, tìm hiểu mối hệ giữa chủ thể và khách thể trong hình tượng thơ, tìm hiểu cái động lực đã thúc đẩy hình tượng thơ vận động và phát triển, cuối cùng là khả năng nhận thức, và phản ánh thực tại của loại thể. Trong ít này, chúng tôi chỉ đề cập đến mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể trong thơ thời chống Mỹ.

Thơ trữ tình được coi là những "bản tốc ký nội tâm" là sự tuôn trào của hình ảnh và từ ngữ trong trạng thái xúc cảm mạnh mẽ của người sáng tạo. Tư duy thơ trữ tình nói chung là hướng nội, khai thác và bộc lộ những tâm trạng diễn hình của bản thân chủ thể. Chính từ cơ sở đó mà người ta đã coi tư duy thơ là "tư duy tự nhận thức bản thân" (Mỹ học). Thơ trữ tình cách mạng lấy phản ánh hiện thực cách mạng làm nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của thơ. Thơ luôn luôn gắn liền với các hoạt động thực tiễn của quần chúng cách mạng nhằm cổ vũ cho các hoạt động đó. Vì vậy thơ 1945-1975 đã hướng về hiện thực khách quan, hiện thực lịch sử một cách mạnh mẽ. Chính vì vậy, tư duy thơ mang tính chất hướng ngoại rất rõ. Đặc biệt nổi bật là giai đoạn chống Mỹ (1965-1975).

Ra đời trong bối cảnh lịch sử sôi động của cả nước, khi cuộc chiến tranh chống Mỹ đang bước vào giai đoạn khốc liệt, thơ ca cuối những năm 60, đầu những năm 70 đã hướng mạnh về thời sự chính trị. Những vấn đề dân tộc và thời đại, Tổ quốc và độc lập tự do đã trở thành vấn đề trung tâm của mọi hoạt động tinh thần. Thơ ca không thể lấy cái tôi làm mục đích nhận thức, cho dù nhân cách chủ thể có khi rất đồ sộ. Tư duy thơ phải phản ánh tư duy của dân tộc, phản ánh tinh thần "không quản hơn độc lập tự do" của hàng chục triệu người với khí thế "Tất cả để giải phóng Miền Nam", "Đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Những bài thơ chúc Tết của Bác Hồ rất tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ hướng ngoại đó. Bác luôn luôn hướng về đồng bào và chiến sĩ ở hai miền Nam, Bác đề nghị chúc mừng, đề động viên tinh thần chống Mỹ cứu nước. Tuy bản thân nhà thơ đã nhận thức được tình trạng "tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp" của mình, và Người đã cảm thấy đây là những tháng cuối đời Người đã viết và sửa chữa trong bản Di chúc lịch sử, để lại mấy lời "Về việc tôi", trong khi đó tư duy thơ vẫn hướng về cái chung, về sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân.

Đặc điểm hướng ngoại của tư duy thơ giai đoạn này thể hiện ở nhiều nhà thơ lớp trước. Tiêu biểu là nhà thơ Tố Hữu với những bài thơ Xuân. Thơ Tố Hữu có một thời kỳ hướng nội ngắn, đó là những bài thơ mà cái tôi trữ tình đứng ở vị trí thứ nhất. Ở phần đầu của tập *Từ ấy* có hình ảnh của cái tôi rất rõ nét. Ta bắt gặp khá nhiều chữ tôi trong "tôi hiến máu", "lòng tôi", "tim tôi", "hồn tôi", "đôi mắt tôi", "thuyền tôi"... Nhưng càng về cuối *Từ ấy*, cái tôi ấy càng lùi dần về vị trí thứ hai. Đến giai đoạn Việt Bắc, cái tôi không còn là đối tượng nhận thức của tư duy thơ. Và những cái "tôi nghe", "tôi nhìn", "tôi dần dần chiếm ưu thế. Từ *Gió lộng đến Ra trận*, cái tôi thường xuất hiện dưới dạng cái tôi quan sát thì "tôi hòa trong dòng người bất tuyệt" đi viếng Lênin, khi thì "tôi lắng nghe trên đường Trần

Phú"... Nhưng phổ biến là "tôi viết bài thơ xuân", "tôi muốn viết những dòng thơ tươi xanh", "làm thơ như mọi lần"... Nghĩa là cái tôi chỉ còn là người dẫn chuyện, là phương tiện để nổi hình ảnh của thực tại, chứ không còn là cái tôi nội dung. Giai đoạn chống Mỹ, Tố Hữu chỉ có là mang tính chất tự biểu hiện. Chẳng hạn bài "Chuyện thơ" (1967). Còn đa số là nhà thơ nhà một cái ta rộng lớn để viết về Đảng ta, dân ta, về lịch sử và thời đại. Mãi sau này (1986), Tố Hữu có dịp để trở lại với chính mình khi ông viết "Tròn 50 tuổi Đảng và thơ". Ông đã viết về bản thân và thơ mình từ góc độ nhìn nhận lại cái riêng: "Mái tóc pha sương chưa cạn ý, con tim rút ruột còn to". Nếu coi hướng ngoại là đặc điểm tư duy chủ yếu trong thơ Tố Hữu giai đoạn trước, 1986, thơ ông đã thiên về hướng nội. Đó là một dấu hiệu đổi mới của tư duy thơ.

Ở các nhà thơ lớp trước như Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu, Tế Hanh... thì sự hướng tư duy lại càng dễ nhận thấy. Từ những nhà thơ mới say sưa khẳng định cái tôi họ đã về dân tộc và thời đại để viết những bài thơ đánh giặc, những bài thơ về Tổ quốc, về chủ nghĩa Điều đáng chú ý là ở các nhà thơ vốn xuất thân từ phong trào thơ mới ấy đã phải trải qua n đoạn tự đấu tranh với mình, tự vượt lên mình để đổi mới hướng tư duy. Thời kỳ đấu tranh ấy thể hiện rõ trong thơ giai đoạn 1955-1964. Xuân Diệu tuyên bố "chặt cái bài ngùi" của quá khứ buồn riêng để vươn tới cái vui chung. Chế Lan Viên bán vào "quả khứ buồn thương mang lá c dễ hướng tới "dời rức rờ phù sa". Tế Hanh cũng từ già chính mình "sang bờ tư tưởng ta l Nhưng đây cũng là giai đoạn mà cái tôi xuất hiện nhiều hơn cả, xét trong toàn bộ thơ 1945-19 vì muốn phủ định quá khứ của mình và thơ mình, các nhà thơ vốn là lãng mạn ấy không có cá tốt hơn là đưa cái tôi cũ, "cái tôi tiểu tư sản trí thức cũ" của họ ra để phê phán, kiểm điểm và Nguyên nhân đó làm cho cái tôi trữ tình xuất hiện trực tiếp như là một đối tượng nhận thức c trong thời kỳ đấu tranh từ cái tôi đến cái ta, "từ chân trời một người đến chân trời tất cả". trong cuộc đấu tranh với chính mình ấy, các nhà thơ đã tạo ra một mảng thơ "viết về cái riêng cạnh những bài thơ "viết về cái chung". Tập "Riêng-chung" của Xuân Diệu, tập "Ánh sáng và của Chế Lan Viên đã thể hiện rõ đặc điểm này. Tình hình đó kéo dài đến tận giai đoạn chống tạo nên trong các tập thơ của Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu... một số sáng tác viết về mối quan hệ riêng tư. Đó là những bài thơ tình yêu dưới dạng tứ tuyệt, những bài viết tặng v con v.v.. Kiểu tư duy ở mảng thơ này khác hẳn so với những bài có tính chất "đại ngôn" tron thơ đánh giặc, thơ chính luận.

Ở các nhà thơ lớp sau, sự gắn bó giữa cái riêng và cái chung tương đối thuận lợi và hài h Bởi vì họ hoặc là bắt đầu sự nghiệp thơ từ trong kháng chiến, hoặc là sinh ra và lớn lên tr nghiệp cách mạng, thấm nhuần tinh thần cách mạng ngay từ những bài thơ đầu. Thơ Nguyễn Thi, Chính Hữu, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung, Minh Huệ... là thơ của những n kháng chiến trực tiếp. Nhà thơ viết về mình và đồng đội mình, như: g do sự gắn bó của mỗi ng những hoạt động thực tiễn của toàn Đảng, toàn dân cho nên cái tôi trữ tình của họ hồn nhiên v tin. Đến thời kỳ chống Mỹ, cái tôi của họ nhanh chóng hòa nhập vào cái ta thời đại, dân tộc, c tư duy thơ của họ cũng phản ánh kiểu tư duy thơ hướng ngoại có tính chất phong trào. Do đ không khẳng định được cái phong cách thơ của mình một cách mạnh mẽ và có bản lĩnh như thơ lớp trước cách mạng.

Sự xuất hiện của các cây bút trẻ trong thời chống Mỹ với Phạm Tiến Duật, Hữu Thỉnh Ngọc, Nguyễn Duy, Nguyễn Đức Mậu, Hoàng Nhuận Cầm, Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Trần Đăng Khoa v.v.. đã làm trẻ hóa một nền thơ. Thành công của họ gắn liền với khả n thể hiện thực một cách cụ thể và trực tiếp, gắn liền với vốn sống, vốn hiểu biết của họ về chiến trường. Nếu như mặt mạnh của các nhà thơ lớp trước là khả năng tổng hợp (Tố Hù năng hùng biện (Chế Lan Viên), khả năng diễn giải (Xuân Diệu), khả năng khái quát, triết l

thì mặt mạnh của các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ là khả năng tái tạo những hình ảnh hiện thực. Một "dáng đứng Việt Nam" trong thơ Lê Anh Xuân, một "Cỏ thanh niên xung phong" trong thơ Tiên Duật, một "năm mộ và cây trầm" trong thơ Nguyễn Đức Mậu, một "mái lợp - bầu trời" trong thơ Nguyễn Duy, một "anh bộ đội và tiếng nhạc la" trong thơ Hoàng Nhuận Cầm v.v. sẽ mãi mãi trong nền thơ ta như những bức tranh sinh động về hiện thực chống Mỹ. Trong khi các nhà thơ trước đa số là nhân danh dân tộc, nhân danh thời đại, đứng ở một tầm cao lịch sử để suy nghĩ hiện thực, thì các nhà thơ trẻ đã cất lên tiếng thơ trong trẻo của mình từ hiện thực trực tiếp, định hướng những vẻ đẹp độc đáo của đất nước và con người thời chống Mỹ. Đó cũng là nét tiêu biểu tư duy thơ của từng thế hệ. Dĩ nhiên, hướng ngoại mới là đặc điểm bao quát chung của tư duy thơ 1945-1975 xét về tương quan giữa chủ thể và khách thể, giữa cái tôi và cái ta. Vấn đề không phải là hướng về ngoại giới nói chung, mà chỉ hướng về đời sống chính trị xã hội đương thời, không phải chuyện của muôn đời mà là chuyện của một thời. Hiện thực được nhận thức và phản ánh vào thơ là hiện thực vận động và phát triển theo qui luật cái mới chiến thắng cái cũ, cái tiến bộ chiến thắng cái lạc hậu, ta nhất định thắng, địch nhất định thua. Đó là hạt nhân duy lý của nghệ thuật nói chung và tư duy thơ giai đoạn 1965-1975.

Hạt nhân duy lý ấy đã tạo cho thơ một sự thống nhất cao độ về tư tưởng và tình cảm cách mạng, tập trung về chủ đề, đề tài. Tư duy thơ luôn có sự kiểm soát chặt chẽ của ý thức, tư tưởng để tạo cho hình tượng vận động và phát triển về một hướng xác định. Chất thép của nội dung tư duy là yêu cầu cao nhất, căn bản nhất của thơ Cách mạng, thơ chống Mỹ. Thơ phải hướng về phía trước, huy hoàng chứ không quay về quá khứ buồn đau, hướng về cái tích cực, cái mới chứ không hướng về cái tiêu cực, cái cũ. Phản ánh cái mới và đấu tranh cho cái mới thắng lợi là nhiệm vụ chính của thơ. Hình tượng Tổ quốc quang vinh, hình tượng Bác Hồ vĩ đại, hình tượng nhân dân anh dũng và hình tượng người chiến sĩ quân đội nhân dân... là những hình tượng tiêu biểu được các nhà thơ dày công xây dựng nên từ hiện thực lịch sử. Những nhân vật trữ tình trong thơ, đa số là nhân vật lịch sử của thời chống Mỹ. Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân, Nguyễn Chí Thanh, Lê Duẩn, Mẹ Suốt... cùng những tên làng, tên núi, tên sông, đã đi vào thơ giai đoạn ấy. Ta nhận thấy trong thơ, những yếu tố lịch sử đã che khuất những yếu tố hư cấu, tưởng tượng. Sự vận động của hình tượng tuân theo lô gích khách quan, lịch sử, nhiều hơn là lô gích chủ quan. Cái chung được đặt lên cái riêng, cái trách nhiệm công dân chi phối toàn bộ hành động của nhân vật trữ tình, những hành động cá nhân mang tính tích cực được nhấn mạnh hơn. Những con người mới, những mẫu người điển hình của nghệ thuật bao giờ cũng yêu nước và căm thù giặc, lạc quan cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đặt quyền lợi tập thể lên trên quyền lợi cá nhân, sẵn sàng hy sinh thân mình để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Việc tiêu chuẩn hóa con người mới và qui định nhiệm vụ phản ánh của nghệ thuật đã làm cho thơ ca cách mạng giảm bớt tính chất tự phát vô hướng trong quá trình vận động của cả nền thơ. Nhưng mặt khác tư duy thơ cũng bị ràng buộc bởi các chuẩn cố định ấy. Đó là loại đối tượng với những phẩm chất xã hội cần nhận thức của tư duy thơ thì dường như đã định sẵn. Nhà thơ chỉ cần "chứng minh bằng tác phẩm con đường mà Đảng đã vạch ra là con đường đúng đắn nhất, đưa nền văn nghệ dân tộc đạt tới những đỉnh cao" (1). Lý do này đã tạo cho tư duy thơ một tính hướng hình tượng thơ về một phía đã định theo tư duy lý luận. Đó là đặc điểm tư duy của nghệ thuật có lãnh đạo. Sự lãnh đạo, sự chỉ huy đó là cần thiết khi thơ là một mặt trận và nhà thơ là chiến sĩ.

## CHÚ THÍCH

(1). Hà Xuân Trường, "Đường lối văn nghệ của Đảng, vũ khí, trí tuệ, ánh sáng" Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1975. Tr. 130.